

Số: 13 /2023/CV

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
- Quý cổ đông

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ**

- Mã chứng khoán: TTG

- Địa chỉ: Lô 1-CN3, cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, tp Hà Nội

- Điện thoại: 024.38615551

- Fax: 024.38619953

- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đào Thị Thủy- Người được ủy quyền CBTT

- Loại thông tin công bố: Định kỳ      Bất thường      24h      Khác

**2. Nội dung thông tin công bố:**

*Báo cáo thường niên năm 2022 (có báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo)*

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2023 tại đường dẫn [hapro.com.vn](http://hapro.com.vn)**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu VT

Ngày 30 tháng 03 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

**Người thực hiện công bố thông tin**

  
**Đào Thị Thủy**

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần may Thanh Trì
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0102737811** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 23 tháng 4 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 08 tháng 10 năm 2014, đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 23 tháng 01 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06 tháng 11 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 08 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 26 tháng 08 năm 2022.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đ (Hai mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 20.000.000.000 đ (Hai mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Lô 1- CN3 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 024.38615551
- Số fax: 024.38619953
- Website: [www.hapro.com.vn](http://www.hapro.com.vn)
- Mã cổ phiếu: TTG

#### - Quá trình hình thành và phát triển:

+ Ngày thành lập: Tiền thân của Công ty Cổ phần May Thanh Trì là Xí nghiệp may xuất khẩu Thanh Trì được thành lập theo quyết định số 2032/QĐ-UB ngày 13 tháng 6 năm 1996 của UBND Thành phố Hà Nội.

Ngày 18 tháng 4 năm 2008, Công ty cổ phần may Thanh Trì được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp may xuất khẩu Thanh Trì theo Quyết định số 1397/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội.

+ Thời điểm niêm yết: Theo công văn số 38/TB-SGDHN ngày 19/1/2010, Công ty cổ phần may Thanh Trì đã được chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần may Thanh Trì tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

+ Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

++ Xí nghiệp may xuất khẩu Thanh Trì được thành lập tháng 12 năm 1992, chính thức đi vào hoạt động tháng 5 năm 1993. Quy mô ban đầu gồm 4 dây chuyền sản xuất tại Phân xưởng may 1 và một số cán bộ quản lý. Tổng số lao động là 320 người.

++ Tháng 5 năm 1994, Xí nghiệp thành lập thêm Phân xưởng may 2 với 4 chuyền sản xuất. Lúc này toàn Xí nghiệp có 2 Phân xưởng sản xuất với 8 dây chuyền may và 5 phòng ban. Tổng số lao động là 870 người.

++ Năm 1995 Xí nghiệp đầu tư thêm 1 Phân xưởng thuê phục vụ sản xuất. Tổng số lao động là 875 người.

++ Theo quyết định số 2032/QĐ-UB ngày 13 tháng 6 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội, Xí nghiệp may xuất khẩu Thanh Trì chính thức được thành lập. Trong năm Xí nghiệp mở rộng thêm phân xưởng may 3. Tổng số lao động lúc này là 989 người.

++ Năm 1997 Xí nghiệp đầu tư thêm 1 dây chuyền sản xuất tại Phân xưởng may 2. Tổng số lao động lúc này là 1.054 người.

++ Năm 1998 Xí nghiệp đầu tư thêm 1 dây chuyền sản xuất tại Phân xưởng may 1. Tổng số lao động lúc này là 1.127 người.

++ Tháng 9 năm 2000, Xí nghiệp được Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9002.

++ Năm 2002, Xí nghiệp mở rộng sản xuất thêm Phân xưởng may 3 chuyên sản xuất hàng dệt kim, thu hút thêm 400 lao động, nâng tổng số lao động lên 1.480 người.

++ Năm 2003, Xí nghiệp thành lập thêm Phân xưởng may 4 chuyên sản xuất hàng dán vào tháng 10, thu hút thêm trên 300 lao động. Cũng trong năm Xí nghiệp đã chuyển đổi thành công Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000, được Trung tâm chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn QUACERT chứng nhận.

++ Năm 2006, Xí nghiệp tích hợp thành công hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 và SA 8000, được Công ty TNHH QMS Việt nam cấp giấy chứng nhận.

++ Tháng 4 năm 2008, Xí nghiệp may xuất khẩu Thanh Trì chuyển đổi thành Công ty cổ phần may Thanh Trì.

++ Tháng 9 năm 2014 đã hoàn thành chuyển Trụ sở chính và địa điểm sản xuất kinh doanh về địa điểm mới tại: Lô 1-CN3, cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

++ Từ khi cổ phần hóa đến nay, Công ty đã có rất nhiều cố gắng để ngày càng ổn định và phát triển.

++ Song song với quá trình phát triển về sản xuất kinh doanh, các chế độ chính sách của Công ty đối với người lao động ngày càng được hoàn thiện, thu nhập của người lao động ngày càng được nâng cao.

- Các sự kiện khác:

Với nỗ lực của lãnh đạo cùng toàn thể CB-CNV, Công ty đã đạt được những thành tích đáng kể trong sản xuất và các phong trào thi đua. Cụ thể:

+ Huân chương Lao động hạng 3 của Thủ tướng Chính phủ năm 1999.

+ Bằng khen của Chính phủ về công tác sản xuất kinh doanh năm 2002.

+ Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về công tác Bảo hộ lao động năm 2002.

+ Cờ thi đua xuất sắc trong phong trào “Xanh sạch đẹp, An toàn vệ sinh lao động” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam năm 2002.

+ Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Thành phố Hà Nội về công tác thi đua năm 2003.

+ Huân chương Lao động hạng 3 của Thủ tướng Chính phủ năm 1999.

+ Huân chương Lao động hạng 2 của Chủ tịch nước năm 2004.

+ Đơn vị quyết thắng trong phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc của Thành phố Hà Nội liên tục các năm.

+ Nhiều bằng khen, cờ thi đua khác của các Ban ngành và Thành phố.

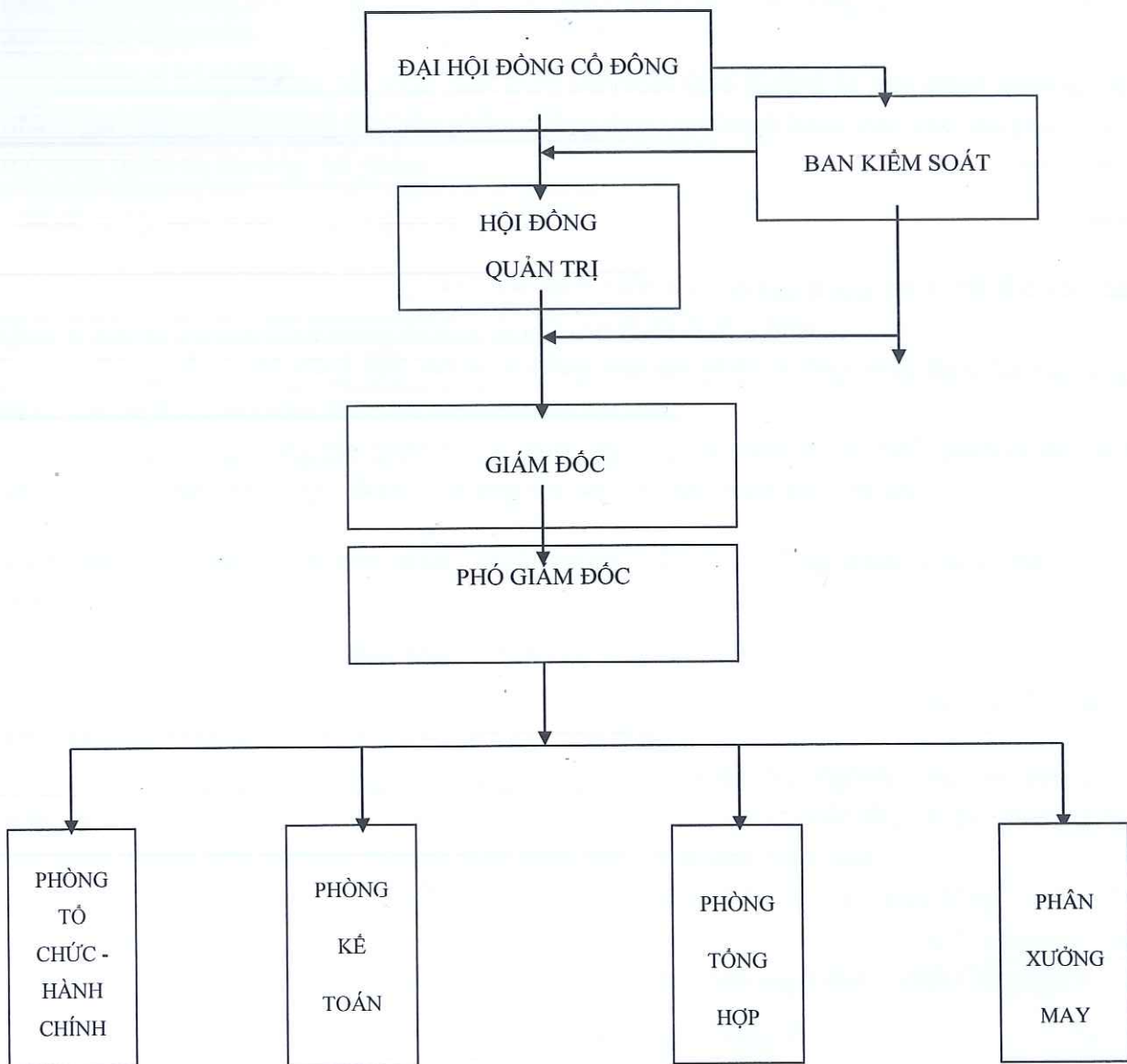
## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hàng may mặc

- Địa bàn kinh doanh: Công ty xuất khẩu hàng may mặc đi các nước Mỹ, Canada, Nhật Bản, khối EU.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý:
  - Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và 04 thành viên.
  - Ban Kiểm soát gồm Trưởng ban và 02 thành viên.
  - Ban Giám đốc gồm: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.
  - 03 phòng: Phòng Tổng hợp, Phòng Kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính.
  - 01 Phân xưởng: gồm 01 tổ cắt, 05 chuyên may, 01 tổ hoàn thiện, 01 tổ cơ khí.

- Các công ty con, công ty liên kết: không có

#### 4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Để ngày càng ổn định và phát triển, Công ty đang hướng tới các mục tiêu sau đây:

- + Thu hút thêm lao động, ổn định lao động.
- + Giảm chi phí, tăng thu nhập cho người lao động.
- + Phát huy lợi thế về việc sản xuất các mặt hàng cho các khách hàng lớn, từng bước cải tiến tổ chức sản xuất, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hơn nữa năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo được uy tín tốt đối với bạn hàng.
- + Từng bước hướng tới việc phát triển sản xuất theo hướng tự xây dựng thương hiệu riêng nhằm gia tăng giá trị trong các sản phẩm, đồng thời tiến hành khai thác các sản phẩm nội địa để mở rộng thêm thị trường sản phẩm.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến thị trường trong nước và thế giới nhằm dự đoán đúng xu hướng thị trường để đưa ra các quyết định phù hợp;
- + Củng cố và mở rộng quy mô hoạt động của các phân xưởng may theo hướng tăng cường nhân lực để đảm bảo khai thác tốt nguồn hàng lợi thế;
- + Tăng cường công tác quản lý các mặt, đặc biệt là quản lý chi phí, quản lý nợ và đổi mới chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất kinh doanh.

- Các mục tiêu phát triển bền vững ( môi trường, xã hội và cộng đồng) của Công ty và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty:

- + Thực hiện công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo ánh sáng, độ thoáng, mát về mùa hè, ấm về mùa đông.
- + Các phòng, phân xưởng chú trọng công tác vệ sinh công nghiệp, sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, đảm bảo an toàn tuyệt đối về phòng chống cháy nổ, công nhân thực hiện tốt trang bị bảo hộ lao động, mạng lưới an toàn vệ sinh viên hoạt động tích cực, hiệu quả.
- + Tích cực tham gia các phong trào đóng góp xã hội từ thiện, các hoạt động vì cộng đồng.
- + Ký kết hợp đồng với Công ty môi trường đô thị huyện Thanh Trì để thu gom rác thải sinh hoạt trong quá trình sản xuất, không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh Công ty.

#### 5. Các rủi ro:

- Do Chiến tranh Nga – Ukraina, tình hình tài chính thế giới liên tục gặp khó khăn ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam cũng như tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, các đơn hàng xuất khẩu sụt giảm cả về số lượng và đơn giá

- Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu vẫn trong tình trạng khủng hoảng, việc các doanh nghiệp trong và ngoài nước bị phá sản là có thể xảy ra. Vì vậy nếu Công ty gia công cho các đơn vị này sẽ bị ảnh hưởng.

- Việc tuyển lao động may trên địa bàn Hà Nội cũng như các tỉnh khác rất khó khăn, người lao động chuyển đổi công việc cũng ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD của Công ty.

## II- Tình hình hoạt động trong năm:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của công ty đạt được trong năm 2022:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 26.026.484.719 đồng – bằng 102.38% so với năm trước

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 73.880.803 đồng – bằng 1316.35% so với năm trước

+ Lợi nhuận trước thuế: -1.585.790.662 đồng

+ Chi phí so với năm 2021:

++ Giá vốn hàng bán: 20.327.656.979 đồng – giảm 10,17 %

++ Chi phí quản lý doanh nghiệp: 7.463.773.481 đồng – tăng 12.09 %

++ Chi phí bán hàng: 447.606.877 đồng – giảm 38.92%

++ Chi phí tài chính: 19.388.811 đồng – tăng 906.97% (Trong đó: Chi phí lãi vay là: 12.113.811 đồng - tăng 529.14% )

+ Thu nhập bình quân đầu người: 6.754.990 đồng – giảm 3.5% so với năm 2021

+ Thị trường: Công ty xuất khẩu hàng may mặc đi các nước Mỹ, Hàn Quốc, Canada, khối EU...

+ Sản phẩm: Sản phẩm của Công ty hầu hết là các sản phẩm truyền thống do các khách hàng truyền thống đặt hàng.

+ Nguồn cung cấp: Nguyên phụ liệu do khách hàng cung cấp trực tiếp.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

T	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	So sánh TH 2022/KH 2021(%)
1	Tổng doanh thu	đồng	27.000.000.000	26.026.484.719	96.4
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	-	-1.585.790.662	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	-	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	-	-1.585.790.662	-
5	Lao động bình quân	người	270	218	81
6	Tiền lương bình quân	đồng/ người/ tháng	7.000.000	6.754.990	96.5

7	Cổ tức	%	0	0	0
---	--------	---	---	---	---

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### - Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ tên	Chức danh	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Giám đốc	02/10/1983	Cử nhân kinh tế	
2	Lý Nam Ninh	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế toán	12/11/1983	Cử nhân kinh tế	
3	Nguyễn Thị Huệ	Trưởng phòng Tổng hợp	20/11/1969	Kỹ sư công nghệ dệt may	
4	Trần Thị Yến	Quản đốc Phân xưởng	06/11/1969	Cử nhân kinh tế	

### - Những thay đổi trong ban điều hành:

+ Ngày 18/08/2022 miễn nhiệm chức danh Giám đốc đối với ông Nguyễn Quang Huy và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh làm Giám đốc công ty và người đại diện pháp luật.

+ Ngày 29/09/2022 miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế toán đối với bà Phan Thị Nguyệt Anh và bổ nhiệm ông Lý Nam Ninh làm Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế toán.

+ Ngày 10/08/2022 miễn nhiệm chức danh Quản đốc Phân xưởng đối với ông Chủ Thanh Thủy và bổ nhiệm bà Trần Thị Yến làm Quản đốc Phân xưởng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Số lượng cán bộ, nhân viên năm 2022: **218** người

+ Tóm tắt chính sách đối với người lao động:

++ Chính sách đào tạo: Công ty thực hiện việc đào tạo để đảm bảo người lao động có đủ trình độ thực hiện nhiệm vụ được giao:

+++ Đối với cán bộ công nhân viên các phòng: Nếu đủ tiêu chuẩn sẽ được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty. Trong quá trình công tác nếu cần bổ sung, nâng cao trình độ chuyên môn, Công ty sẽ cho tham gia các khoá học liên quan;

+++ Đối với công nhân trực tiếp sản xuất: Trước khi vào làm việc tại Công ty phải thi tay nghề. Các trường hợp thi tay nghề không đạt hoặc chưa biết nghề sẽ được đào tạo tại phân xưởng may.

++ Chính sách tiền lương: Công ty đảm bảo mức lương không thấp hơn mức lương tối thiểu nhà nước quy định, đảm bảo đời sống cho người lao động, luôn đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, tạo điều kiện để người lao động phát huy hết khả năng để có mức lương cao nhất, công ty đã hoàn thành việc xây thang bảng lương mới phù hợp với các quy định của nhà nước về lương và mức đóng BHXH cho người lao động.

++ Các chính sách khác: Người lao động được thực hiện đầy đủ các chế độ quy định tại Bộ luật Lao động và Điều lệ Bảo hiểm xã hội hiện hành gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### a) Các khoản đầu tư lớn:

Để duy trì và nâng cao năng lực sản xuất, nên trong năm 2022 Công ty đã chú trọng đến việc đầu tư để sửa chữa và hoàn thiện hơn hệ thống nhà xưởng và máy móc thiết bị với tổng giá trị là: 84.470.136 đồng.

#### b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết

### 4. Tình hình tài chính:

#### a) Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	9.434.670.195	8.889.483.426	(5,77)
Doanh thu thuần	25.421.277.612	26.026.484.719	2,38
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-4.596.902.750	-2.158.060.626	53,05
Lợi nhuận khác	168.887.753	572.269.964	238,84
Lợi nhuận trước thuế	-4.428.014.997	-1.585.790.662	64,18
Lợi nhuận sau thuế	-4.428.014.997	-1.585.790.662	64,18

- Các chỉ tiêu khác: không

#### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSNH/Nợ ngắn hạn	1,6	1,41	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSNH - Hàng tồn kho/Nợ ngắn	1,04	0,91	



hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,41	0,55	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,7	1,24	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	10.44 vòng	8.18 vòng	
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	2,69 lần	2,92 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-17.41%	-6.09%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-79.84%	-40.04%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-46.93%	-17.83%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-18.08%	-8.29%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 2.000.000
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông:

\* Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ:

TT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phiếu quỹ	50.000	2,50
2	Cổ đông lớn	1.098.200	54,91
	Công ty TNHH FINSTA	485.000	24,25
	Công ty CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19	483.200	24,16
	Công ty TNHH MAXPORT	130.000	6,50
3	Cổ đông nhỏ	851.800	42,59
	<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>100,00</b>

\* Cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

TT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phiếu quỹ	50.000	2,50

2	Cổ đông lớn	1.098.600	54,93
	Công ty TNHH FINSTA	485.000	24,25
	Công ty CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 19	483.200	24,16
	Công ty TNHH MAXPORT	130.000	6,50
	Công ty CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHỐ WALL	400	0,02
3	Cổ đông cá nhân	851.400	42,57
	<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>100,00</b>

**\* Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài:**

TT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phiếu quỹ	50.000	2,50
2	Cổ đông nước ngoài	131.600	6,58
	Công ty TNHH MAXPORT	130.000	6,50
	Thomas Brien	1.600	0,08
3	Cổ đông trong nước	1.818.400	90,92
	<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>100,00</b>

**\* Cổ đông nhà nước, cổ đông khác:**

TT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ phiếu quỹ	50.000	2,50
2	Cổ đông Nhà nước	0	0
3	Cổ đông khác	1.950.000	97,5
	<b>Cộng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>100,00</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm không có thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 50.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ cổ phiếu quỹ mua (bán) trong năm: không

e) Các chứng khoán khác: Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường:**

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Trồng và bảo vệ cây xanh, tiết kiệm điện, sử dụng thiết bị tiết kiệm điện, làm sạch thiết bị tiêu hao nhiên liệu để góp phần giảm lượng khí thải CO2 ra môi trường.

**6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:
  - Lượng nguyên liệu sử dụng trong năm 2022 là: vải+ mex khoảng 300.000m
  - Lượng phụ liệu sử dụng trong năm 2022 là: 3.132.708 cái/ chiếc
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không có

### 6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Điện: 130.577.000 kWh
- Dầu máy may: 200 lít
- Dầu thủy lực: 18 lít

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Thay thế các bóng đèn huỳnh quang tại phân xưởng bằng các loại đèn led tiết kiệm điện và có độ sáng cao hơn => Giảm tiêu thụ điện năng, cải thiện mỹ quan, tăng độ sáng cho khu vực làm việc, đảm bảo yêu cầu phòng cháy chữa cháy => Tiết kiệm nhiên liệu 6.500 kWh, tương đương 30%, tiết kiệm chi phí 15 triệu đồng.

- Thay thế việc sử dụng hơi từ nồi hơi đốt than sang nồi hơi điện tại khu vực nhà ăn công ty => Giảm thiểu tiêu thụ than, giảm khí thải tác động vào môi trường => Tiết kiệm nhiên liệu 7 tấn/ tháng, tiết kiệm chi phí 20 triệu đồng.

- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:

### 6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

-Nguồn cung cấp nước: nước mua của công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Ngành nước và môi trường.

-Lượng nước sử dụng: 1.825 m<sup>3</sup>/ năm

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

-Tỷ lệ % nước tái chế và tái sử dụng: 10%

-Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 182.5 m<sup>3</sup>/ năm

### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không bị xử phạt
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Lao động bình quân: 218 người
- Thu nhập bình quân: 6.754.990 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty cố gắng thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách BHXH, đảm bảo thanh toán kịp thời các chế độ đối với người lao động.

- Công ty luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, phân xưởng sản xuất được trang bị hệ thống làm mát, người lao động được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ...

- Người lao động được quan tâm, chi thưởng nhân các ngày lễ tết, hội họp trong năm.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

*6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

*6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN*

### **III- Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:**

*1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây:

Trong năm 2022 với sự cố gắng nỗ lực của tập thể Ban lãnh đạo công ty nói riêng và toàn Công ty nói chung, mọi chỉ số hiệu quả kinh doanh đều giảm so với năm 2021, lao động không có sự biến động lớn, thu nhập và các chính sách chế độ đối với người lao động được duy trì ổn định. Tuy nhiên kết quả kinh doanh vẫn chưa đạt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra, do tình hình dịch bệnh COVID-19 khiến hơn 50% quân số công ty nhiễm bệnh, công ty phải dừng hoạt động trong tháng 02 và tháng 03/2022; thêm vào đó là chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN có sự điều chỉnh tăng từ ngày 01/07/2022 theo quy định của nhà nước.

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

+ Thành tích lớn nhất mà Công ty đạt được trong năm qua là sự nỗ lực, sự đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn của toàn thể CB-CNV.

+ Kết nối được với các khách hàng truyền thống duy trì công ăn việc làm cho CB-CNV.

*2. Tình hình tài chính:*

a) Tình hình tài sản:

Máy móc thiết bị được bảo dưỡng định kỳ theo quy định nhằm tăng hiệu quả sử dụng.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Công ty chi trả tiền cho các khách hàng theo đúng thời hạn trên hợp đồng đã ký giữa hai bên, không có nợ phải trả xấu.

- Nợ phải trả tính thời điểm 31/12/2022 tăng 26.75% so với cùng kỳ năm ngoái.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công ty tiếp tục quản lý sản xuất theo mô hình LEAN để tăng năng suất lao động.

- Các biện pháp kiểm soát: Để phục vụ cho công tác quản lý, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, được Công ty TNHH QMS Việt nam cấp giấy chứng nhận. Ngoài ra Công ty có các Trưởng phòng, Quản đốc giúp việc đắc lực cho Ban Giám đốc Công ty trong công tác quản lý và điều hành các công việc hàng ngày của Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong thời gian tới, Công ty tập trung vào các mục tiêu chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục hợp tác với các khách hàng cũ, tìm khách hàng mới có hiệu quả;

- Tiếp tục cải tiến tổ chức sản xuất, đầu tư máy móc thiết bị chuyên dùng để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến của kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần): Không có

### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

## IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nhất trí và quyết tâm cao của HĐQT, Ban điều hành công ty, Công ty cổ phần may Thanh Trì đã từng bước vượt qua mọi khó khăn thách thức, duy trì được năng lực SXKD, tạo thu nhập ổn định cho người lao động.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến việc đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, môi trường làm việc cho người lao động; tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, hoạt động với cộng đồng.

### 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc Công ty đã chủ động kết nối với một số khách hàng truyền thống, năng động tìm kiếm nguồn hàng có hiệu quả, chỉ đạo việc cải tiến các biện pháp quản lý, giảm hao phí để tăng năng suất lao động, từ đó thu nhập của người lao động được đảm bảo, khắc phục được những khó khăn, đưa hoạt động SXKD của công ty ổn định.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chỉ đạo Ban Giám đốc trong việc xây dựng chiến lược phát triển, điều chỉnh và thay đổi kịp thời hoạt động trên tất cả các lĩnh vực, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, đưa Công ty phát triển ngày càng bền vững.

## V- Quản trị công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Việt Dũng	Chủ tịch HĐQT	0%
2	Trần Trọng Phúc	Thành viên HĐQT	0%
3	Nguyễn Quang Hải	Thành viên HĐQT	0%
4	Đình Hồng Quân	Thành viên HĐQT	0.05%
5	Lý Nam Ninh	Thành viên HĐQT	0%

Ông Nguyễn Việt Dũng là Chủ tịch HĐQT tham gia và điều hành các cuộc họp, chỉ đạo Ban Giám đốc Công ty hoạt động đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không có các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các vấn đề được đưa ra trong các cuộc họp đều được thảo luận và đi đến thống nhất, biểu quyết 100%. Các nghị quyết của HĐQT trong năm 2022 như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/BB-ĐHĐCĐ	29/06/2022	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 không thành công với các nội dung chính sau: -Thông qua thư từ nhiệm của ba thành viên HĐQT: Nguyễn Hải Đông, Vũ Minh Hải, Hoàng Mạnh Quảng -Do thiếu thông tin các ứng cử viên thành viên HĐQT mới nên Đại hội biểu quyết 100% dừng Đại hội để bổ sung thông tin các ứng cử viên.
02	01/NQ-ĐHĐCĐ	28/07/2022	Họp ĐHĐCĐ lần 2 với các nội dung chính sau: -Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 -Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 -Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 -Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức năm 2021 -Thông qua quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2021 và đề

			<p>xuất mức thù lao HĐQT và BKS năm 2022</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thông qua báo cáo hoạt động của BKS năm 2021</li> <li>-Thông qua bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023</li> <li>-Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022 là công ty TNHH Kiểm toán An Việt</li> </ul>
03	02/NQ-ĐHĐCĐ	02/11/2022	<p>Họp ĐHCĐ bất thường với các nội dung chính sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thông qua miễn nhiệm, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS</li> <li>-Thông qua danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS</li> <li>-Thông qua Điều lệ công ty</li> <li>-Thông qua Quy chế quản trị công ty</li> <li>-Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT</li> <li>-Thông qua Quy chế hoạt động của BKS</li> <li>-Thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ</li> <li>-Thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty</li> </ul>

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập / Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Công ty không có các tiểu ban

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

## 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

- Ông Trịnh Quốc Khánh - Trưởng ban kiểm soát, nắm giữ 22.100 cổ phần
- Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thành viên Ban kiểm soát, nắm giữ 0 cổ phần
- Bà Nguyễn Thị Huệ - Thành viên Ban kiểm soát, nắm giữ 0 cổ phần.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát :

-Trong năm 2022, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban theo dõi giám sát các mảng công tác, thực hiện nhiệm vụ được qui định tại Điều lệ công ty. Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ do Trưởng ban phân công cụ thể để thực hiện nhiệm vụ của ban, trong đó Trưởng ban kiểm soát theo dõi công tác quản lý tài chính chung toàn công ty, theo dõi, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, kiểm tra báo cáo tài chính, tham gia ý kiến với HĐQT và Ban giám đốc công ty trong công tác quản lý điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a, Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích hàng tháng:

ST T	Họ tên	Chức danh	Lương	Thưởng	Phụ cấp công việc, Công tác phí, xăng xe, điện thoại	Thù lao HDQT/BKS	Tổng
1	Nguyễn Việt Dũng	Chủ tịch HĐQT				3.000.000	3.000.000
2	Trần Trọng Phúc	Thành viên HĐQT				2.000.000	2.000.000
3	Nguyễn Quang Hải	Thành viên HĐQT				2.000.000	2.000.000
4	Đình Hồng Quân	Thành viên HĐQT				2.000.000	2.000.000
5	Lý Nam Ninh	Phó Giám đốc, thành viên HĐQT	15.000.000	1.000.000	2.225.000	2.000.000	20.225.000
6	Trịnh Quốc Khánh	Trưởng ban kiểm soát				2.000.000	2.000.000
7	Nguyễn Thị Huệ	Trưởng phòng Tổng hợp, thành viên BKS	15.000.000	14.000.000	1.000.000	1.500.000	31.500.000
8	Vũ Thị Hồng Hạnh	Nhân viên Phòng Tổng hợp, thành viên BKS	6.130.000	2.750.000	1.320.000	1.500.000	11.700.000
9	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Giám đốc công ty	17.500.000	15.400.000	500.000		33.400.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Trong năm không có giao dịch.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty theo quy định.

#### VI- Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn bộ

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

(Có báo cáo tài chính được kiểm toán kèm theo)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Thị Ngọc Oanh*